

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN DƯƠNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/KDTM-ST
Ngày 29-10-2019
V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lợi

Ông Đỗ Văn Thư

- Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Tình - Thư ký Toà án huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2018/TLST-KDTM ngày 14 tháng 12 năm 2018 về việc: " Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09A/2019/QĐXXST-KDTM ngày 14 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần T; địa chỉ trụ sở: Tòa nhà K, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh T, chức vụ chuyên viên chính Phòng Xử lý nợ miền Bắc - T (Theo giấy ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án số 176/2017/GUQ-TPB.BĐH ngày 26 tháng 7 năm 2017); có mặt.

- Bị đơn: + Bà Nguyễn Thị T; địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn xin vắng mặt)

+ Ông Đinh Văn G; địa chỉ: Số 2 Đ, Quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn xin vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Nguyễn Văn N; địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần T (gọi tắt là Ngân hàng) và người đại diện theo uỷ quyền ông Nguyễn Thanh T trình bày:

Ngân hàng TMCP T với ông Đinh Văn G bà Nguyễn Thị T có ký kết Hợp đồng tín dụng số 02180811 RB/HP-TPB/NH.11 ngày 19 tháng 8 năm 2011 có nội dung Ngân hàng cho ông G bà T vay số tiền 1.000.000.000đồng; mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh; thời hạn vay 12 tháng, kể từ ngày bên vay nhận tiền vay lần đầu, mức lãi suất theo quy định của Ngân hàng tại thời điểm giải ngân, lãi suất trong hạn 25%/ năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi suất thay đổi theo quy định của Ngân hàng từng thời kỳ. Để đảm bảo cho khoản vay ông G bà T và ông Nguyễn Văn N đã ký hai Hợp đồng thế chấp tài sản bảo đảm với Ngân hàng gồm:

- Hợp đồng thế chấp bất động sản số 04180811/HĐTC- BĐS/HP11 ngày 19 tháng 8 năm 2011 giữa ông Đinh Văn G bà Nguyễn Thị T với Ngân hàng TMCP T thế chấp tài sản là quyền sử dụng diện tích đất 184m² thuộc thửa đất số 93C, tờ bản đồ số 05 địa chỉ thôn C, xã N, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 757195, sổ vào sổ H00640 do UBND huyện An Dương, thành phố Hải Phòng cấp ngày 06 tháng 7 năm 2007 mang tên bà Nguyễn Thị T.

- Hợp đồng thế chấp số 05180811/2011/HĐTC- KHCHN-TPB.HP ngày 19 tháng 8 năm 2011 giữa Ngân hàng và ông Nguyễn Văn N, tài sản thế chấp là quyền sử dụng diện tích đất 334,5m² thuộc thửa đất số 93, tờ bản đồ số 05 địa chỉ thôn C, xã N, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 966408, sổ vào sổ H00639 do UBND huyện An Dương, thành phố Hải Phòng cấp ngày 05 tháng 12 năm 2008 mang tên Nguyễn Văn N.

Cả hai Hợp đồng thế chấp ở trên đều được ký kết tại Văn phòng công chứng Hải Phòng và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất (phòng Tài nguyên môi trường) huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

Sau khi ký các Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp ở trên Ngân hàng đã giải chấp cho ông G bà T theo đề nghị giải ngân kèm giấy nhận nợ số 01-02180811RB/HP- TPB/NH.11 ngày 24 tháng 8 năm 2011.

Trong quá trình trả nợ vay, ông G bà T vi phạm nghĩa vụ không thanh toán nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng dẫn đến khoản nợ quá hạn từ ngày 24 tháng 8 năm 2012 mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần gặp các bên đơn đốc việc trả nợ nhưng bên vay không thực hiện theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng hai bên đã ký. Tính đến ngày 24 tháng 12 năm 2018 ông G bà T đã trả được cho Ngân hàng số tiền 101.595.452đồng tiền lãi, không thanh toán khoản tiền gốc nên Ngân hàng khởi kiện ông Đinh Văn G bà Nguyễn Thị T đến Tòa án đề nghị Tòa án tuyên buộc

ông G bà T phải thanh toán nợ gốc, nợ lãi còn thiếu cho Ngân hàng. Trường hợp kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực mà ông G bà T không thanh toán toàn bộ khoản nợ gốc lãi cho Ngân hàng, Ngân hàng có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mại các tài sản thế chấp Ngân hàng đã trình bày ở trên theo các Hợp đồng thế chấp đã ký giữa Ngân hàng và bên vay ông G bà T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Quá trình giải quyết của Tòa án, ngày 29 tháng 5 năm 2019, ông G bà T và ông Nguyễn Văn N đã thanh toán thêm cho Ngân hàng tổng số tiền 1.170.000.000đồng bao gồm khoản nợ gốc 1.000.000.000đồng và 170.000.000đồng nợ lãi.

Như vậy, tính đến ngày 29 tháng 10 năm 2019 ông G bà T đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 1.271.595.452 đồng, trong đó bao gồm 1.000.000.000đồng nợ gốc và 271.595.452đồng nợ lãi.

Sau khi ông G bà T thanh toán cho Ngân hàng số tiền 1.170.000.000 đồng Ngân hàng đã giải chấp, trả lại hồ sơ đối với các tài sản bảo đảm cho bên thế chấp ông Đinh Văn G bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn N gồm: Quyền sử dụng 334,5m2 đất, thuộc thửa đất số 93, tờ bản đồ số 05 địa chỉ thôn C, xã N, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 966408, số vào sổ H00639 do UBND huyện An Dương, thành phố Hải Phòng cấp ngày 05 tháng 12 năm 2008 mang tên ông Nguyễn Văn N và quyền sử dụng 184m2 đất thuộc thửa đất số 93C, tờ bản đồ số 05 địa chỉ thôn C, xã N, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 757195, số vào sổ H00640 do UBND huyện An Dương, thành phố Hải Phòng cấp ngày 06 tháng 7 năm 2007 mang tên bà Nguyễn Thị T.

Do ông G bà T đã thanh toán hết nợ gốc, nợ lãi trong hạn, một phần nợ lãi quá hạn và Ngân hàng đã giải chấp trả lại tất cả các tài sản bảo đảm cho ông G bà T và ông Ninh nên ngày 03 tháng 6 năm 2019, Ngân hàng đã nộp đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông G bà T và ông Ninh như sau:

- Rút yêu cầu khởi kiện về phần nợ gốc 1.000.000.000 đồng
- Rút yêu cầu khởi kiện về phần nợ lãi trong hạn: 124.590.293 đồng
- Rút một phần yêu cầu khởi kiện về phần nợ lãi quá hạn, số tiền là 45.409.707 đồng
- Rút yêu cầu khởi kiện về việc phát mại 02 tài sản thế chấp bảo đảm cho khoản vay sau đây: Quyền sử dụng 334,5m2 đất thuộc thửa đất số 93, tờ bản đồ số 05 địa chỉ thôn C, xã N, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 966408, số vào sổ H00639 do UBND huyện An Dương, thành phố Hải Phòng cấp ngày 05 tháng 12 năm 2008 mang tên ông Nguyễn Văn N và quyền sử dụng 184m2 đất thuộc thửa đất số 93C, tờ bản đồ số 05 địa chỉ thôn C, xã N, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 757195, số vào sổ H00640 do UBND huyện An Dương, thành phố Hải Phòng cấp ngày 06 tháng 7 năm 2007 mang tên bà Nguyễn Thị T.

Tính đến ngày xét xử 29 tháng 10 năm 2019, ông G bà T còn nợ Ngân hàng số tiền là 2.510.776.591 đồng (trong đó, nợ gốc: 0 đồng; nợ lãi quá hạn: 2.510.776.591 đồng).

Ngân hàng TMCP T đề nghị Tòa án buộc ông Đinh Văn G bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền dư nợ lãi quá hạn nói trên.

Đối với quan điểm của ông G bà T về việc đề nghị Ngân hàng miễn một phần khoản lãi quá hạn trên. Ngân hàng không chấp nhận.

Ông Đinh Văn G bà Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên tòa, tại bản tự khai và quá trình tố tụng bị đơn ông G bà T trình bày:

Ông G bà T xác định lời trình bày của đại diện nguyên đơn về việc ký kết Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp, số tiền gốc, lãi đã trả và số tiền lãi còn nợ lại như Ngân hàng trình bày là chính xác, Sau khi ký Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp, ông bà đã nhận được đủ số tiền vay theo Hợp đồng tín dụng hai bên đã ký. Do khó khăn trong làm ăn kinh doanh nên ông bà đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ với Ngân hàng. Quá trình thực hiện hợp đồng ông bà mới thanh toán cho Ngân hàng được toàn bộ số tiền gốc và một phần tiền lãi, số tiền đã trả và số tiền còn nợ Ngân hàng như ngân hàng đã trình bày là chính xác. Hiện tại ông bà chỉ còn nợ lại Ngân hàng khoản tiền lãi quá hạn là 2.510.776.591 đồng. Nay Ngân hàng có đơn yêu cầu ông bà thanh toán số tiền lãi quá hạn còn thiếu, ông bà có quan điểm đồng ý sẽ có trách nhiệm trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền lãi Ngân hàng đã yêu cầu. Tuy nhiên do ông bà khó khăn nên đề nghị Ngân hàng miễn một phần lãi cho ông bà.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, do ông bà thanh toán cho Ngân hàng được toàn bộ số tiền gốc và một phần lãi nên Ngân hàng giải chấp trả lại toàn bộ tài sản ông bà đã thế chấp đảm bảo cho khoản vay cho ông bà. Đối với quan điểm của Ngân hàng xin rút yêu cầu khởi kiện về toàn bộ khoản tiền gốc, lãi trong hạn, một phần lãi quá hạn và phát mại tài sản thế chấp của ông bà để thu hồi nợ theo Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp ông bà đã ký với ngân hàng ông bà không có ý kiến gì.

Ông Nguyễn Văn N vắng mặt tại phiên tòa, tại bản tự khai và quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ninh trình bày:

Để đảm bảo cho khoản vay của ông Đinh Văn G bà Nguyễn Thị T tại Ngân hàng T ông có ký Hợp đồng thế chấp tài sản với Ngân hàng số 05180811/2011/HĐTC-KHCN.TPB.HP ngày 19 tháng 8 năm 2011, số công chứng 3508 quyển số 02/2011.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20 tháng 8 năm 2011 tại Văn Phòng công chứng Hải Phòng là đúng sự thật. Tài sản thế chấp gồm quyền sử dụng diện tích đất 334,5m² và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất thửa số 93, tờ bản đồ số 05 địa chỉ thôn C, xã N, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 966408, số vào sổ H00639 do UBND huyện An Dương, thành phố Hải Phòng cấp ngày 05 tháng 12 năm 2008 mang tên Nguyễn Văn N.

Quá trình thực hiện Hợp đồng do ông G bà T đã thanh toán cho Ngân hàng được toàn bộ số tiền gốc và một phần lãi nên Ngân hàng đã giải chấp trả lại toàn bộ tài sản thế chấp cho ông. Đối với quan điểm của Ngân hàng xin rút yêu cầu khởi kiện về đề nghị phát mại tài sản thế chấp mang tên ông để thu hồi nợ trong trường hợp ông G bà T không trả nợ cho Ngân hàng ông không có ý kiến gì.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn ông Đinh Văn G, bà Nguyễn Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N vắng mặt tại hòa giải lần thứ hai không có lý do đã vi phạm các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, những vi phạm này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 147, khoản 1 Điều 217, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Đinh Văn G, bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ lãi quá hạn tính đến hết ngày 29 tháng 10 năm 2019 theo Hợp đồng tín dụng hai bên đã ký là 2.510.776.591 đồng. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đã rút về toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn, một phần lãi quá hạn và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng 334,5m² đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 93, tờ bản đồ số 05 tại thôn C, xã N, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng mang tên Nguyễn Văn N và quyền sử dụng 184m² đất tại thửa số 93C, tờ bản đồ số 05 địa chỉ thôn C, xã N, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng mang tên bà Nguyễn Thị T; Về án phí ông Đinh Văn G bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật, trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Về việc vắng mặt của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng tổng đạt các thông báo, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho các bên đương sự theo quy định. Quá trình giải quyết vụ án ông Đinh Văn G, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn N đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Đinh Văn G, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn N.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án Kinh doanh thương mại: “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”, nên theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự

thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Về nội dung:

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, bị đơn, các chứng cứ do đương sự cung cấp và do Tòa án thu thập thấy Hợp đồng tín dụng số 02180811 RB/HP-TPB/NH.11 ngày 19 tháng 8 năm 2011, đã ký giữa Ngân hàng và ông Đinh Văn G bà Nguyễn Thị T đã được hai bên thống nhất thỏa thuận, ký kết bởi những người có đủ thẩm quyền, hình thức, nội dung hợp đồng không vi phạm các điều cấm, không trái pháp luật, đạo đức xã hội. Do vậy, hợp đồng là hợp pháp là căn cứ pháp lý để các bên thực hiện.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình là giải ngân cho ông G bà T vay số tiền 1.000.000.000đồng theo giấy đề nghị giải ngân kiêm nhận nợ số 01-02180811RB/HP-TPB/NH.11 ngày 24 tháng 8 năm 2011. Ông G bà T đã nhận đủ số tiền vay nhưng không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán khoản nợ hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng hai bên đã ký. Do ông G bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng đã khởi kiện ra Tòa án theo Điều 6 của Hợp đồng tín dụng là có căn cứ.

[4] Quá trình giải quyết vụ án Ngân hàng, ông G bà T đều thống nhất xác định ông Đinh Văn G bà Nguyễn Thị T đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 1.271.595.452 đồng, trong đó bao gồm 1.000.000.000 đồng nợ gốc và 271.595.452 đồng nợ lãi. Như vậy, ông G bà T đã thanh toán xong toàn bộ nợ gốc, lãi trong hạn, một phần lãi quá hạn và còn nợ Ngân hàng số tiền lãi quá hạn theo Hợp đồng tín dụng số 02180811 RB/HP-TPB/NH.11 ngày 19 tháng 8 năm 2011 hai bên đã ký tính đến ngày 29 tháng 10 năm 2019 là 2.510.776.591đồng. Nay Ngân hàng yêu cầu Ông G bà T phải trả khoản tiền tiền lãi quá hạn là 2.510.776.591đồng. Xét đối với khoản tiền lãi quá hạn: Tại mục 2.2 Điều 2 và Điều 4 của Hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ, các bên đã thỏa thuận lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn, Căn cứ vào thỏa thuận trên ông G bà T phải trả số tiền lãi suất quá hạn được tính quy định trong Hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ được điều chỉnh lãi theo quy định của Ngân hàng từng thời kỳ. Quá trình thực hiện hợp đồng, Ông G bà T đã vi phạm thời hạn trả nợ nên đã phát sinh lãi trong hạn và lãi quá hạn nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc yêu cầu ông G bà T phải trả khoản tiền lãi quá hạn là có căn cứ. Quá trình giải quyết vụ án, Ông G bà T có quan điểm đối với khoản tiền lãi quá hạn 2.510.776.591đồng còn thiếu, ông bà có trách nhiệm trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền lãi Ngân hàng đã yêu cầu. Tuy nhiên do ông bà khó khăn nên đề nghị Ngân hàng miễn một phần lãi. Căn cứ vào tài liệu chứng cứ do Ngân hàng cung cấp về số dư nợ lãi quá hạn theo Hợp đồng tín dụng hai bên đã ký, có căn cứ xác định tính đến ngày 29 tháng 10 năm 2019 ông Đinh Văn G bà Nguyễn Thị T còn nợ Ngân hàng số tiền nợ lãi quá hạn là 2.510.776.591đồng. Do đó, cần buộc ông Đinh Văn G bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ lãi quá hạn nêu trên.

[5] Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Ngân hàng rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông Đinh Văn G bà Nguyễn Thị T về số tiền nợ gốc 1.000.000.000đồng, nợ lãi trong hạn 124.590.293 đồng, lãi quá hạn 45.409.707 đồng và rút yêu cầu khởi kiện về yêu cầu xử lý 02 tài sản thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp ông G bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ gồm: Quyền sử dụng diện tích đất 334,5m² thuộc thửa số 93, tờ bản đồ số 05 địa chỉ thôn C, xã N, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 966408, số vào sổ H00639 do UBND huyện An Dương, thành phố Hải Phòng cấp ngày 05 tháng 12 năm 2008 mang tên ông Nguyễn Văn N và quyền sử dụng diện tích đất 184m² thuộc thửa số 93C, tờ bản đồ số 05 địa chỉ thôn C, xã N, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 757195, số vào sổ H00640 do UBND huyện An Dương, thành phố Hải Phòng cấp ngày 06 tháng 7 năm 2007 mang tên bà Nguyễn Thị T. Xét, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn, một phần lãi quá hạn và yêu cầu không xử lý tài sản thế chấp thu hồi nợ là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận. Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu Ngân hàng đã rút theo quy định tại Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về án phí:

[6] Ông Đinh Văn G bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được Tòa án chấp nhận. Trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Về quyền kháng cáo:

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn pháp luật quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 355, 357, 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 14 Điều 4, các điều 90, 91, 95, 98 của Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần T đối với Ông Đinh Văn G bà Nguyễn Thị T, buộc: Ông Đinh Văn G bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ thanh toán trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần T số tiền nợ lãi quá hạn tính đến ngày 29 tháng 10 năm 2019 là 2.510.776.591đồng (Hai tỷ năm trăm mười triệu bảy trăm bảy mươi sáu nghìn năm trăm chín mươi một đồng) theo Hợp đồng tín dụng số 02180811 RB/HP-TPB/NH.11 ngày 19 tháng 8 năm 2011.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành (Ngân hàng Thương mại Cổ phần T) cho đến khi thi hành án xong, ông Đinh Văn G bà Nguyễn Thị T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần T đối với ông Đinh Văn G bà Nguyễn Thị T đã rút về số tiền nợ gốc 1.000.000.000đồng, nợ lãi trong hạn 124.590.293đồng, lãi quá hạn 45.409.707đồng và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng diện tích đất 184m² thuộc thửa đất số 93C, tờ bản đồ số 05 địa chỉ thôn C, xã N, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC757195, số vào sổ H00640 do UBND huyện An Dương, thành phố Hải Phòng cấp ngày 06 tháng 7 năm 2007 mang tên bà Nguyễn Thị T.

3. Đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần T đối với ông Nguyễn Văn N đã rút về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng diện tích đất 334,5m² thuộc thửa đất số 93, tờ bản đồ số 05 địa chỉ thôn C, xã N, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 966408, số vào sổ H00639 do UBND huyện An Dương, thành phố Hải Phòng cấp ngày 05 tháng 12 năm 2008 mang tên ông Nguyễn Văn N.

4. Về án phí:

Ông Đinh Văn G bà Nguyễn Thị T phải chịu 82.215.531đồng (phần cụ thể của mỗi người là 41.107.765đồng) án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước. Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần T số tiền 49.539.900 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng theo Biên lai số 0015486 ngày 14 tháng 12 năm 2018.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự An Dương;
- Đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hương

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự An Dương;
- Đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hương

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lợi Nguyễn Duy Tuân

